

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/KDTM-PT

Ngày 29-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;
Bà Trần Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12, 26 và 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐ-PT ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Địa chỉ trụ sở: đường C, Phường D, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh E, khu phố G, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Viết T, chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh E; văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần I. Địa chỉ: đường K, khu phố L, phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1980. Địa chỉ: 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Công T, sinh năm 1963; địa chỉ: đường R, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; văn bản ủy quyền ngày 23/8/2017 (có mặt).

2. Cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/10/2000.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Vân A, mẹ ruột của cháu Thảo N; địa chỉ: 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Công ty Cổ phần X; địa chỉ: đường U, Phường V, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1994; địa chỉ: đường U, Phường V, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vân A và Công ty Cổ phần X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2016 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/5/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng B) và Công ty Cổ phần I (gọi tắt là Công ty I) ký kết Hợp đồng tín dụng số 0026/2015/VCB.ST ngày 28/5/2015; Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 001/HĐSD ngày 24/6/2015; Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 002/HĐSD ngày 09/7/2015; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0056/TD8/15LD ngày 28/5/2015; Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 001/HĐSD ngày 24/6/2015; Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 002/HĐSD ngày 09/7/2015. Theo đó, Ngân hàng B cho Công ty I vay tiền với hạn mức là 35.000.000.000 đồng; thời hạn của hạn mức là 06 tháng theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay thanh toán tiền hàng; lãi suất cho vay trong hạn áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn, theo thông báo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm bên vay nhận nợ và được cố định theo từng giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ bị quá hạn.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng các bất động sản theo các hợp đồng thế chấp, cụ thể:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0174/NHNT-15ST ngày 09/7/2015 đối với phần đất và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 1⁻⁹⁸, tờ bản đồ số 8 – Tân Sơn Nhì tại số 232/29, đường O, Phường P, quận Q, Thành

phổ Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị Vân A, theo hồ sơ gốc số 7561/98 ngày 22/6/1998 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký biến động ngày 09/7/2015).

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0115/NHNT-15ST ngày 28/5/2015 đối với phần đất và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ 6 (BĐDC) tại số 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị Vân A, theo hồ sơ gốc số 1895/2004 ngày 23/6/2004 do Ủy ban nhân dân quận Q cấp (đăng ký biến động ngày 28/5/2015).

3. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0144/NHNT-15ST ngày 24/6/2015 đối với phần đất và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ 45 tại đường A1, Phường B1, thành phố C1, tỉnh D1 của bà Nguyễn Thị Vân A vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01417 ngày 05/6/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp (đăng ký biến động ngày 18/3/2015).

Thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty I, tổng số tiền vay là 32.700.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ số 05, 06, 07 và 08 ngày 28/5/2015. Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi được quy định trong hợp đồng tín dụng. Đến nay, các khoản nợ đều đã quá thời hạn thanh toán nhưng phía bị đơn vẫn không trả nợ. Do đó, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty I trả số nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 27/3/2017, tổng số tiền 35.722.473.611 đồng, trong đó: nợ gốc 32.700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.130.041.667 đồng, lãi quá hạn: 892.431.944 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi Công ty I thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp Công ty I không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, để thu hồi số nợ gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng.

Đối với bị đơn Công ty I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vân A; người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Ngọc Thảo N là bà Nguyễn Thị Vân A, người đại diện của Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty X): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu Công ty I, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vẫn không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập bị đơn Công ty I, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 08/3/2017 và ngày 28/3/2017, nhưng vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với Công ty Cổ phần I.

1.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc Công ty Cổ phần I phải trả cho Ngân hàng Thương mại B số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0026/2015/VCB.ST ngày 28/5/2015; Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 001/HĐSD ngày 24/6/2015; Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 002/HĐSD ngày 09/7/2015; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0056/TD8/15LD ngày 28/5/2015; Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 001/HĐSD ngày 24/6/2015; Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 002/HĐSD ngày 09/7/2015 tính đến ngày 27/3/2017; với tổng số tiền 35.722.473.611 đồng (ba mươi lăm tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười một đồng), trong đó:

- Nợ gốc 32.700.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn 2.130.041.667 đồng.
- Lãi quá hạn 892.431.944 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 28/3/2017 cho đến khi Công ty Cổ phần I trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty Cổ phần I không có khả năng tự nguyện thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ, gồm:

1.2.1 Quyền sử dụng đất có diện tích 158,0 m², nhà ở diện tích xây dựng 122,6 m² diện tích sử dụng 492,4 m² và các tài sản khác hiện có trên đất của bà Nguyễn Thị Vân A thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ 6 (BĐDC), tại số 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0115/NHNT-15ST ngày 28/5/2015. Số tiền phát mãi được dùng để thanh toán trước cho bà Nguyễn Thị Vân A giá trị các tài sản hiện có trên đất: 01 cổng sắt; 01 sân gạch; 01 tường xây tô, 01 hòn non bộ, theo giá tại thời điểm phát mãi.

1.2.2 Quyền sử dụng đất có diện tích 93 m², nhà ở diện tích xây dựng 80 m² diện tích sử dụng 314,4 m² và các tài sản khác hiện có trên đất của bà Nguyễn Thị Vân A thuộc thửa đất số 1⁻⁹⁸, tờ bản đồ 8-Tân Sơn Nhì, tại số 232/29, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0174/NHNT-15ST ngày 09/7/2015. Số tiền phát mãi được dùng để thanh toán trước cho bà Nguyễn Thị Vân A giá trị các tài sản hiện có trên đất: 01 nhà tạm có kết cấu tường gạch, mái ngói + tôn diện tích 13 m²; đồng hồ nước chính; đồng hồ điện kế chính, theo giá tại thời điểm phát mãi.

1.2.3 Quyền sử dụng đất có diện tích 300 m², nhà ở diện tích xây dựng 230 m² diện tích sử dụng 819,0 m² và các tài sản khác hiện có trên đất của bà Nguyễn Thị Vân A thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ 45, tại đường A1, Phường B1, thành phố C1, tỉnh D1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0144/NHNT-15ST ngày 24/6/2015. Số tiền phát mãi được

dùng để thanh toán trước cho bà Nguyễn Thị Vân A giá trị các tài sản hiện có trên đất: 01 tường xây ốp gạch đá bao quanh; cổng sắt; 02 trụ cổng; sân gạch; 01 cây xoài; điện kế chính; đồng hồ điện kế chính, theo giá tại thời điểm phát mãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2017 bà Nguyễn Thị Vân A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 23/6/2017 Công ty X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc,

Ông Phạm Công T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Vân A trình bày: Bà Vân A có đầu tư, sửa chữa căn nhà số 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền là 551.527.000 đồng; đầu tư sửa chữa căn nhà tại đường A1, Phường B1, thành phố C1, tỉnh D1, với số tiền khoảng 670.000.000 đồng. Bà Vân A yêu cầu được nhận lại số tiền đầu tư sửa chữa nêu trên trong trường hợp ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Đồng thời, ông Phạm Công T cung cấp cho Tòa án hợp đồng thi công và hồ sơ quyết toán thanh lý hợp đồng công trình căn nhà số 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Công ty X trình bày: Công ty X có thuê của bà Vân A toàn bộ căn nhà số 232/25-27 và 232/29 đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh để làm nơi hoạt động của Trung tâm anh ngữ (Hợp đồng thuê nhà ngày 26/7/2016 được công chứng tại Văn phòng Công chứng H). Để thành lập Trung tâm anh ngữ, Công ty X đã phải đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất vào căn nhà số 232/29, đường O với số tiền 300.000.000 đồng. Trong trường hợp theo phán quyết của Tòa án, bà Vân A phải giao nhà cho Ngân hàng để phát mãi và chấm dứt hợp đồng trước hạn với Công ty X thì Công ty X yêu cầu bà Vân A phải bồi thường thiệt hại cho Công ty X các khoản sau:

- Tiền đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất là 300.000.000 đồng;
- Chi phí thành lập Trung tâm anh ngữ là 80.000.000 đồng;
- Thu nhập bị mất đi từ hoạt động của Trung tâm anh ngữ mỗi tháng 100.000.000 đồng, tính từ tháng 6/2017 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê nhà là tháng 6/2020, thành tiền là 3.600.000.000 đồng.

Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm, Công ty X không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2017, đại diện Ngân hàng B cung cấp cho Tòa án chứng thư thẩm định tài sản thế chấp ngày 27/5/2015 và ngày 24/6/2015 đối với căn nhà số 232/25-27 và số 232/29 đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời, đại diện Ngân hàng B xác nhận căn nhà số 232/25-27 sau khi Ngân hàng nhận thế chấp thì bà Vân A đã có sửa chữa, tuy nhiên giá trị sửa chữa là bao nhiêu thì Ngân hàng không xác định được và cũng không đồng ý với giá trị sửa chữa theo như hợp đồng thi công và hồ sơ quyết toán thanh lý hợp đồng do đại diện của bà Vân A cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần xử lý tài sản bảo đảm. Buộc Ngân hàng B phải thanh toán cho bà Vân A số tiền mà bà đã bỏ ra để sửa chữa nhà trong trường hợp ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm:

NHẬN ĐỊNH:

[1] Bị đơn Công ty I và đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Ngọc Thảo N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty X: Xét thấy, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng Công ty X vắng mặt không rõ lý do và cũng không có ý kiến gì. Đồng thời, bản án sơ thẩm đã nhận định trường hợp Công ty X phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm mà Công ty X đang thuê của bà Vân A thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Công ty X là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vân A:

Theo Biên bản xác minh ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ghi nhận: Thực tế tại căn nhà số 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh có các hạng mục sửa chữa theo như Hợp đồng thi công mà người đại diện theo ủy quyền của bà Vân A đã cung cấp cho Tòa án tại phiên tòa ngày 12/9/2017.

Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng B thừa nhận có sự sửa chữa căn nhà số 232/25-27, đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Ngân hàng không xác định được giá trị sửa chữa và không đồng ý với giá trị sửa chữa theo như hợp đồng thi công và hồ sơ quyết toán thanh lý hợp đồng do đại diện của bà Vân A cung cấp cho Tòa án.

Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vân A không có văn bản trình bày ý kiến cũng không cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc đầu tư, sửa chữa tài sản bảo đảm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết vấn đề này là đúng. Tuy nhiên, nếu không xem xét giải quyết các vấn đề liên quan đến việc đầu tư sửa chữa tài sản bảo đảm sau khi thế chấp thì việc phát mãi tài sản thế chấp sẽ không thể thực hiện được khi Công ty I không có khả năng thanh toán nợ nên cần căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và

chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thị xã A để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 148; khoản 3, Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần X.

2. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vân A.

Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thị xã A để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Vân A và Công ty Cổ phần X mỗi đương sự 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai số 0009528 ngày 09/6/2017 và Biên lai số 0009610 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/9/2017./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TX. A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hữu Xuân